

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Tây Ninh

Chương: 435

Mã QHNS: 1123312

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 04 tháng 4 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

Quý 1 năm 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Thực hiện Quý 1	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện Quý 1 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	4.000.000	1.080.000	27.00%	51.48%
I	Số thu phí, lệ phí	3.600.000	972.000	27.00%	194.24%
1	Lệ phí				
2	Phí (90%)	3.600.000	972.000	27.00%	194.24%
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	400.000	108.000	27.00%	194.24%
1	Lệ phí				
2	Phí (10%)	400.000	108.000	27.00%	194.24%
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	2.665.800.000	398.417.147	14.95%	138.50%
5	Chi bảo đảm xã hội	8.800.000	8.800.000	100%	105%
51	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
52	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	8.800.000	8.800.000	100%	105%
6	Chi sự nghiệp kinh tế (Loại 280 - Khoản 338)	2.657.000.000	389.617.147	14.66%	139.52%
6.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (0113)	2.025.000.000	368.075.432	18.18%	145.21%
	Chi quỹ lương theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng	1.008.000.000	190.186.496	18.87%	
	KP hỗ trợ HĐLĐ theo NĐ 111 của CP	224.000.000	33.979.050	15.17%	
	Chi hoạt động thường xuyên	218.000.000	48.523.056	22.26%	
	Nhu cầu tăng MLCS từ 1,49 triệu đến 2,34 triệu và chính sách ANXH	575.000.000	95.386.830	16.59%	

6.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (0212)	482.000.000	21.541.715	4.47%	83.58%
	- Chi tiền điện phục vụ bảo quản Kho lưu trữ tài liệu	135.000.000	20.391.277	15.10%	
	- Chi tiền nước phục vụ hệ thống PCCC Kho Lưu trữ tài liệu	40.000.000	1.150.438	2.88%	
	- Chi bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống điện, hệ thống PCCC, máy lạnh, máy phát điện, thang máy kho lưu trữ	144.000.000			
	- Chi sửa chữa, thay thế thiết bị hệ thống Camera Kho Lưu trữ	30.000.000			
	- Chi mua bảo hiểm cháy nổ công trình (bắt buộc)	30.000.000			
	- Chi mua nhiên liệu chạy máy phát điện	45.000.000			
	- Chi học tập kinh nghiệm về công tác lưu trữ	58.000.000			
6.3	Kinh phí mua sắm, sửa chữa	24.000.000			
6.4	Kinh phí khen thưởng theo ND số 73/2024/ND-CP	126.000.000			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
71	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
72	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
81	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
82	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
91	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
92	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
101	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
102	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				

4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

1	Chi
2	Chi
3	Chi
4	Chi
5	Chi
6	Chi
7	Chi
8	Chi
9	Chi
10	Chi

